

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 159/2017/HSST

Ngày 08/8/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bình – Cán bộ hưu trí, phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

2/ Bà Nguyễn Thị Tạc – Hiệu trưởng trường mầm non phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Đức Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 157/2017/HSST, ngày 21 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Thuỳ L**; Tên gọi khác: Không;

Sinh năm: 1987; Tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký HKTT: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Chỗ ở hiện nay: 154 Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 7/12; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Con ông Lê Anh T (đã chết); Con bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1957; Hiện trú tại: 18 Nguyễn S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Gia đình bị cáo có 04 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Bị cáo có chồng là Trần Ngọc Lam T, sinh năm: 1980; bị cáo có 02 con, con lớn

nhất sinh năm: 2009, con nhỏ nhất sinh năm: 2013. Hiện trú tại: 154 Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 02/5/2017, phạm tội Trộm cắp tài sản. Ngày 04/5/2017, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thùy L có Luật sư Võ Đình D - Văn phòng luật sư THT – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk.

****/ Người bị hại:***

Chị Nguyễn Phan Kim P - Sinh năm: 1987 (có mặt)

Trú tại: 129/17/13 Lê Hồng P, phường T, TP.B, tỉnh Đắk Lắk

****/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: số 18 Nguyễn S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2/ Ông Nguyễn Văn H– Sinh năm 1956 (vắng mặt)

Trú tại: 129/17/13 Lê Hồng P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Thùy L và chị Nguyễn Phan Kim P là chị em dâu với nhau. L thường qua nhà chị P chơi, gửi con và nhờ chị P trông giúp. Khoảng 10 giờ ngày 02/5/2017, L điều khiển xe mô tô biển số: 47B1-148.61 đi đến nhà chị P tại địa chỉ: 129/17/13 Lê Hồng P, phường T, thành phố B, để đón con về. Khi đến nơi, L để xe mô tô phía bên ngoài rồi đi vào bên trong nhà thì thấy ông Nguyễn Văn H (cha ruột của chị P) và ông Phan Chánh T (sinh năm: 1919 bố vợ của ông T) đang nằm ngủ ngoài phòng khách. L đi thẳng ra phía sau bếp để tìm con nhưng không thấy nên L quay ra về. Khi đi ngang qua phòng ngủ của chị P thì thấy cửa phòng mở, quan sát xung quanh thấy ông H đang ngủ, ông T đang nằm ngoài phòng khách nên L nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị P vì trước đây L từng đến mượn tiền của chị P nhiều lần và biết được vị trí chị P cất tiền trong tủ quần áo. Lúc này, L đi vào phòng ngủ của chị P, lấy chìa khoá tủ quần áo để trong tủ nhôm bên cạnh, mở tủ ra lén lút trộm cắp số tiền: 1.400.000 đồng để ở ngăn giữa của tủ quần áo và L tiếp tục lục lọi tìm tài sản để trộm cắp. Khi thấy số tiền: 43.000.000 đồng (các tờ mệnh giá 500.000 đồng) của chị P kẹp bên trong cuốn sổ, để trong hộp đựng Album ảnh, ở ngăn trên cùng của tủ quần áo. L lấy số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại 13.000.000 đồng L cất vào chỗ cũ cho chị P. Sau khi trộm cắp số tiền 31.400.000 đồng của chị P xong L cất giấu vào trong người, đi ra thì thấy ông T vừa đi đến nên L đỡ ông T ra phòng khách rồi đi về nhà. Khoảng 14 giờ cùng ngày, L mang số tiền 10.000.000 đồng (trong tổng số tiền trộm cắp của chị P) đi đến nhà chị Nguyễn Thị T (chị dâu của L), địa chỉ: 18 Nguyễn S, phường T, thành

phố B, nhờ chị T cất giữ. Số tiền còn lại 21.400.000 đồng, L trả nợ cho một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch). Sau khi biết được số tiền: 10.000.000 đồng là do L trộm cắp mà có, chị T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Điều tra, đồng thời vào ngày 03/5/2017, anh Trần Ngọc Lam T (chồng của bị cáo L) đã giao nộp số tiền: 21.400.000 đồng, để phục vụ công tác điều tra.

Quá trình điều tra xác định: Số tiền 31.400.000 đồng, là tài sản của chị Nguyễn Phan Kim P (sinh năm: 1987, trú tại: 129/17/13 Lê Hồng P, phường T, thành phố B). Ngày 04/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền: 31.400.000 đồng cho chị Nguyễn Phan Kim P nhận quản lý, sử dụng. Sau khi nhận lại tài sản chị P không có yêu cầu gì khác và làm đơn xin bãi nại về trách nhiệm hình sự cho bị cáo L.

Đối với chị Nguyễn Thị T, là người nhận cất giữ giúp bị cáo L số tiền: 10.000.000 đồng nhưng chị T không biết là tài sản do L phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô biển số: 47B1-148.61, là của bị cáo Lê Thị Thùy L, không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, không thu giữ và không đề cập xử lý, là phù hợp.

Tại bản cáo trạng số 174/KSĐT-HS ngày 21/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Lê Thị Thùy L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Lê Thị Thùy L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung quyết định truy tố và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân Tp. B truy tố bị cáo Lê Thị Thùy L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Thị Thùy L theo cáo trạng số: 174/KSĐT - HS ngày 21/7/2017 và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thùy L phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS. Điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Lê Thị Thùy L từ 15 đến 18 tháng tù.

***/ Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã trả cho chị Nguyễn Phan Kim P, số tiền: 31.400.000 đồng nhận quản lý, sử dụng.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: Luật sư đồng ý quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo có con

nhỏ bị bệnh hen phổi cấp, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn, mặt khác quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Số tiền bị cáo trộm cắp được đã trả cho người bị hại và người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo đây cũng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội đoàn tụ gia đình và sống có ích cho gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Kết quả tranh luận và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo Lê Thị Thùy L đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Xét tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội. Mặc dù bị cáo nhận thức được rằng tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị. Song xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài nên khoảng 10 giờ ngày 02/5/2017, tại số nhà 129/17/13 Lê Hồng P, phường T, thành phố B, Lê Thị Thùy L đã lén lút trộm cắp số tiền 31.400.000 đồng của chị Nguyễn Phan Kim P thì bị phát hiện. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Xét thấy hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự an tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo phù hợp với mức độ hành vi bị cáo đã gây ra.

Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án tiền sự, bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, sau khi bị bắt đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về

hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại có đơn xin bãi nại giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo là đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội về sau và phù hợp với quy định của pháp luật.

***/ Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã trả cho chị Nguyễn Phan Kim P, số tiền: 31.400.000 đồng nhận quản lý, sử dụng.

- Về phần trách nhiệm dân sự: chị Nguyễn Phan Kim P không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị Thùy L** phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS. Điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Khoản 1 khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 và Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Thùy L 15 (mười lăm) tháng tù. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường E để giám sát, giáo dục bị cáo trong suốt thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự để giải quyết.

***/ Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã trả cho chị Nguyễn Phan Kim P, số tiền: 31.400.000 đồng nhận quản lý, sử dụng.

- Về phần trách nhiệm dân sự: chị Nguyễn Phan Kim P không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Thị Thùy L phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo, bị hại được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết trích sao bản án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

